TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 09-11-2021
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Trung Tài

Bà Nguyễn Thị Hồng Đào

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu tham gia phiên toà**:* Bà Lâm Phượng Tú, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 18/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22-10-2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn N, sinh năm 1998; nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện U, tỉnh Kiên Giang. Tạm trú: Tổ 14, Ấp 3, xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Trương C, sinh năm 1993; nơi cư trú: Ấp 1, xã T, huyện M, tỉnh Đồng Tháp. Tạm trú: Tổ 14, Ấp 3, xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08-03-2021 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Nguyễn N trình bày: Chị và anh Trương C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2017 có tổ chức lễ cưới, đến năm 2019 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện U, tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do anh C thường xuyên uống rượu, dùng lời lẽ xúc phạm chị. Vợ chồng ly thân từ ngày 01-3-2021 đến nay.

Về hôn nhân: Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể tiếp tục nên yêu cầu ly hôn với anh C.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trương N, sinh ngày 09-9-2018. Chị N yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết

Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết đã mời anh Trương C nhiều lần đến Tòa làm việc nhưng anh C vắng mặt không lý do.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu phát biểu ý kiến*:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Tại Tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, không vi phạm về tố tụng.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự; đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 51, 56, 81, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N với anh C.

Về con chung: Giao cháu Trương N, sinh ngày 09-9-2018 cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt các thủ tục tố tụng đối với bị đơn anh Trương C theo đúng quy định pháp luật nhưng anh C vắng mặt, xem như anh C từ bỏ quyền yêu cầu của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh C theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định chị N và anh C tự nguyện chung sống vào năm 2017, đến năm 2019 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện U, tỉnh Kiên Giang là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình, dược pháp luật bảo vệ.

[3] Về hôn nhân: Chị N yêu cầu xin ly hôn với anh C, theo chị N trình bày cuộc sống chung vợ chồng của chị và anh C không hạnh phúc, thường xuyên cãi vả, nguyên nhân do anh C thường xuyên uống rượu về đánh chị, không quan tâm chăm lo cho gia đình. Vợ chồng chị đã không sống chung từ tháng 03/2021

đến nay, anh C không liên lạc thăm hỏi vợ con, không có thiện chí để vợ chồng đoàn tụ.

Theo biên bản xác minh ngày 15-3-2021 (bút lục số 30) thì hàng xóm thường thấy anh C, chị N thường xuyên gây gổ, cãi vả cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Anh C không đến Tòa án để trình bày ý kiến về quan hệ hôn nhân với chị N cũng như không đưa ra được giải pháp gì để đoàn tụ vợ chồng.

Xét thấy từ những căn cứ trên xác định đời sống chung của anh chị không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

[4] Về con chung: Xét thấy anh chị có 01 người con chung tên Trương N, sinh ngày 09-9-2018. Chị N có nguyện vọng xin được nuôi con, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát Huyện Dương Minh Châu là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228 Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn N với anh Trương C
Về hôn nhân: Chị Nguyễn N được ly hôn với anh Trương C.

2. Về con chung: Có 01 người con chung tên Trương N, sinh ngày 09-9-2018, giao chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ghi nhận chị N không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng là

tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai thu số 0005614 ngày 12-3-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Chị Nguyễn N, anh Trương C được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ (do vắng mặt tại phiên tòa).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh**;**
- VKSND H.DMC;
- CCTHA H.DMC***;***
- Đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Thị Bích Thủy